TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2019
Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Quách Thị Thu Hương.

2. Ông Phạm Hoàng Vũ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh H, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T trình bày:* Chị T và anh H đăng ký kết hôn vào ngày 28/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Lý do phát sinh mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân là anh H không chăm lo cho gia đình, không quan tâm vợ con, làm được bao nhiêu tiền thì chi xài cá nhân hết. Mâu thuẫn kéo dài đến ngày 10/8/2017 thì anh chị sống ly thân cho đến nay.

Anh chị có một người con chung là cháu Y, sinh ngày 10/8/2016, giới tính nữ, hiện nay cháu Y đang sống chung với chị T. Anh chị không có tài sản và nợ

chung.

Nay chị T thấy không thể tiếp tục sống chung nên xin được ly hôn với anh H, yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn anh H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn là anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh H vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; đồng thời giao con là cháu Y cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Không ai yêu cầu gì khác nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị T và anh H cưới nhau có đăng ký kết hôn năm 2014 nên pháp luật công nhận anh chị là vợ chồng. Chị T có yêu cầu xin ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình. Tòa án đã tổ chức hòa giải hai lần để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh H đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh H nhưng anh H vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bị đơn là anh H.

Chị T yêu cầu ly hôn với anh H và yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu giải quyết các vấn đề khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị T và anh H là "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 28/7/2014, chị T và anh H đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị T và anh H xảy ra mâu thuẫn; theo chị T trình bày là do anh H không chăm lo cho gia đình, không quan tâm vợ con; chị T thấy hôn nhân không hạnh phúc, đến nay không thể tiếp tục sống chung nên thực hiện quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình.

Anh H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải và xét xử, nhưng anh H đều vắng mặt không lý do. Việc anh H cố tình vắng mặt là đã tự đánh mất quyền trình bày ý kiến của mình, mất đi cơ hội được hòa giải hàn gắn và quyền tranh luận về nội dung vụ án tại phiên tòa để được Hội đồng xét xử xem xét.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã kéo dài, cuộc sống không hạnh phúc, anh H không có thiện chí hàn gắn. Hơn nữa, anh chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 đến nay, mỗi người sống một nơi, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có một người con chung là cháu Y, sinh ngày 10/8/2016, giới tính nữ, đang sống cùng chị T. Chị T yêu cầu được nuôi con, anh H không có ý kiến gì.

Xét thấy, hiện tại cháu Y được chị T chăm sóc tốt; chị T đủ điều kiện nuôi con; anh H đi làm xa, không có mặt địa phương và cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con. Mặt khác, cháu Y chưa đủ 36 tháng tuổi nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Y cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được cản trở. Trường hợp chị T vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng khi ly hôn: Chị T và anh H không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị T khai không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu giải quyết; anh H không có ý kiến gì về tài sản và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T đối với anh H. Chị T được ly hôn với anh H.

2- Về con chung: Giao cháu Y cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị T vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Án phí sơ thẩm: Chị T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002272 ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

4- Nguyên đơn là chị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn là anh H vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn T;
- UBND xã Minh Thuận (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận